TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2020/HS-ST Ngày 19-8-2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu T Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hồ Đức B (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 28/02/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn S1 (đã chết) và bà Bùi Thị L1, sinh năm 1967; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2020; có mặt.

2. Đào Văn D (tên gọi khác: D1), sinh ngày 28/02/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn B1 (đã chết) và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1967; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 323 đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 19/02/2020, Đào Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 đến nhà Đỗ Đức B chơi. Sau đó B rủ D đi cướp giật tài sản lấy tiền chi tiêu, D đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát biển kiểm soát 16H4-9400 chở D đi từ xã A1, huyện A sang khu vực huyện K. Khi đến khu vực thôn V, xã H thì B phát hiện thấy chị Nguyễn Thị C đang đi xe đạp mi ni ngược chiều, túi quần bên trái có 01 chiếc điện thoại để lộ ra ngoài khoảng một nửa thân máy. B nói với D "Anh quay xe lại, mày giật chiếc điện thoại của người phụ nữ kia", B điều khiển xe mô tô quay lại đi song song áp sát vào xe đạp của chị C đang điều khiển để D dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại. Chị C tri hô "Cướp, cướp" thì B tăng tốc điều khiển xe mô tô chở D bỏ chạy về khu vực Đường T, L đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Chí T; D ở ngoài chờ còn B vào bán điện thoại vừa cướp giật cho anh T được 3.000.000 đồng. Sau đó cả 02 đi vào khu vực đường tàu M, quận L mua ma túy heroin của người đàn ông không quen biết hết 1.500.000 đồng mang về nhà B cùng sử dụng; số tiền còn lại B và D cùng ăn tiêu, B cho D 100.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Ngày 19/02/2020, chị C có đơn trình báo công an xã H giải quyết. Đến ngày 22/02/2020, B và D bị phát hiện bắt giữ.

Tài sản của chị C bị B, D cướp giật là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị là 10.000.000 đồng đã thu hồi trả lại cho chị C.

Vật chứng thu giữ: Ngày 21/02/2020, anh Trịnh Văn T1 tự nguyện giao nộp 01 biển kiểm soát 16H4-9400. Ngày 22/02/2020 anh Nguyễn Chí T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động Iphone X màu đen, Cơ quan điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị C. Thu giữ tại nhà B 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 mũ bảo hiểm có sọc màu xanh trắng, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo

khoác màu nâu đen do B và D sử dụng để đi cướp giật tài sản. Thu giữ của D 01 xe mô tô Yamaha Mio biển kiểm soát 16M7-2738 do D mượn của người bạn không rõ lý lịch địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra chưa xác minh được chủ sở hữu, nên đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau. Số vật chứng còn lại gồm 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 mũ bảo hiểm có sọc màu xanh trắng, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo khoác màu nâu đen và 01 biển kiểm soát 16H4-9400 là biển số giả chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSKT ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Hồ Đức B, Đào Văn D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

- Hồ Đức B khai: Do quen biết D, khoảng 15 giờ ngày 19/02/2020, B đang ở nhà thì D đi xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 đến chơi. Sau đó B rủ D đi cướp giật tài sản của người đi đường lấy tiền chi tiêu, D đồng ý. B đưa cho D 01 áo khoác màu nâu đen, B mặc áo màu xanh rêu, đội mũ bảo hiểm màu đen để đi cướp giật tài sản. B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 chở D đi từ nhà sang khu vực huyện K. Khi đến khu vực thôn V, xã H, B phát hiện thấy chị Nguyễn Thị C đang đi xe đạp mi ni màu trắng ngược chiều, túi quần bên trái có 01 chiếc điện thoại để lộ ra ngoài gần một nửa thân máy. B bảo D "Anh quay xe lại, mày giật chiếc điện thoại của người phụ nữ kia", rồi quay xe lại đi song song áp sát vào xe đạp của chị C đang điều khiển để D ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại. B điều khiển xe mô tô chở D bỏ chạy đi vào khu vực Đường T, L đến cửa hàng mua bán điện thoại bán cho anh Nguyễn Chí T được 3.000.000 đồng cùng ăn tiêu. B cho D 100.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Đến ngày 22/02/2020 bị phát hiện bắt giữ.

- Đào Văn D khai nhận thống nhất với lời khai của B: Khoảng 15 giờ ngày 19/02/2020, D mượn xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 của người bạn quen biết rồi điều khiển xe mô tô đến nhà B chơi. Khi được B rủ đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chi tiêu thì D đồng ý. D được B đưa cho 01 áo khoác màu nâu đen mặc vào để đi cướp giật tài sản. Khoảng 16 giờ 30 phút B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 chở D đi sang khu vực huyện K, đến khu vực thôn V, xã H thì phát hiện thấy chị C đang đi xe đạp mi ni màu trắng ngược chiều, túi quần bên trái có 01 chiếc điện thoại để lộ ra ngoài gần một nửa thân máy. B bảo D "Anh quay xe lại, mày giật chiếc điện thoại của người phụ nữ kia", khi B quay xe lại đi song song áp sát vào xe đạp của chị C đang điều khiển thì D ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại làm xe đạp của chị C loạng choạng nhưng không bị ngã xuống

đường. Chị C hô "Cướp, cướp" thì B tăng tốc độ xe chở D bỏ chạy vào nội thành Hải Phòng đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Chí T ở đường T, quận L. D ở ngoài đợi còn B vào bán điện thoại vừa cướp giật được 3.000.000 đồng. D và B mua ma túy sử dụng và cùng chi tiêu, còn lại 100.000 đồng B cho D để chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 21/02/2020 D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 đến nhà Trịnh Văn T1 (là bạn quen biết) ở T, xã M, A chơi và nói cho T1 biết việc ngày 19/02/2020 D đi cướp giật được 01 chiếc điện thoại tại khu vực xã H, K. D nhìn thấy ở nhà T1 có 01 biển kiểm soát 16M7-2738 đã xin T1 biển kiểm soát này để lắp vào xe mô tô của D nhằm tránh bị phát hiện. Sau khi lắp xong biển kiểm soát 16M7-2738 vào xe thì D để lại biển kiểm soát 16H4-9400 tại nhà T1. Đến ngày 22/02/2020 bị phát hiện bắt giữ.

- Tại cơ quan điều tra chị Nguyễn Thị C khai: Khoảng 16 giờ 35 phút ngày 19/02/2020, chị C đi xe đạp mi ni màu trắng trên đường giao thông 405 từ chợ V, H về nhà, túi quần bên trái có để chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen, do túi quần ngắn nên chiếc điện thoại để lộ ra ngoài gần một nửa thân máy. Khi chị đang điều khiển xe đạp về gần nhà thì có 02 người nam T niên (sau này chị mới biết là B và D) đi xe mô tô áp sát vào xe đạp, D ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại làm xe đạp bị loạng choạng nhưng không bị ngã đổ xuống đường. Chị C tri hô "Cướp, cướp" thì B điều khiển xe mô tô chở D bỏ chạy về hướng xã Thuận Thiên, K. Ngay sau đó, chị C đã trình báo Công an xã H giải quyết. Nay chị C đã nhận lại đầy đủ tài sản do các bị cáo chiếm đoạt không yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Chí T khai: Anh T mở cửa hàng mua bán điện thoại tại nhà ở số 323 đường T, phường N, quận L, Hải Phòng. Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/02/2020 thì có 01 người T niên (sau này mới biết là B) vào cửa hàng bán cho anh 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen với giá 3.000.000 đồng. Khi mua bán điện thoại, anh T đã kiểm tra và hỏi mật khẩu thì được B trả lời là máy điện thoại của B và đọc mật khẩu để anh T mở máy điện thoại. Anh T không biết chiếc điện thoại Iphone X màu đen là do B, D cướp giật được, nên khi Cơ quan điều tra Công an huyện K đến làm việc thì anh mới biết và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone X màu đen của B. Nay anh T không yêu cầu các bị cáo phải liên đới hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Tại cơ quan điều tra, anh Trịnh Văn T1 khai: Anh có quan hệ quen biết với Đào Văn D. Sáng ngày 21/02/2020, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 đến nhà T1 chơi và nói với anh T1 là ngày 19/02/2020 D cùng một người bạn đi cướp giật được 01 chiếc điện thoại di động ở địa bàn huyện K. Sau đó D nhìn thấy ở góc nhà anh 01 biển kiểm soát 16M7-2738 do anh T1 nhặt được ở khu vực

cánh đồng thuộc xã Xã M, A vào khoảng tháng 12/2019 và xin anh T1 biển kiểm soát này lắp vào xe mô tô của D. Anh T1 đồng ý, sau khi D lắp xong biển kiểm soát 16M7-2738 vào xe mô tô thì bỏ lại biển kiểm soát 16H4-9400 tại nhà anh T1. Đến ngày 21/02/2020 anh T1 tự nguyện giao nộp 01 biển kiểm soát 16H4-9400 cho Cơ quan điều tra Công an huyện K để giải quyết.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Hồ Đức B mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

+ Đào Văn D mức án từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen giá trị 10.000.000 đồng đã thu hồi trả lại đầy đủ cho bị hại. Nay bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo. Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh T mua điện thoại, các bị cáo đã chi tiêu chung, bị cáo D được B đưa cho 100.000 đồng để chi tiêu riêng. Nay anh T không yêu cầu các bị cáo phải liên đới hoàn trả lại số tiền trên, cần chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc các bị cáo phải liên đới nộp lại số tiền 3.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước (cụ thể: Hồ Đức B 1.450.000 đồng; Đào Văn D 1.550.000 đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 mũ bảo hiểm có sọc xanh trắng, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo khoác màu nâu đen và 01 biển kiểm soát 16H4-9400 là biển số giả do các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/02/2020, Hồ Đức B và Đào Văn D đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H4-9400 (là thủ đoạn nguy hiểm) áp sát vào xe đạp mi ni màu trắng do chị Nguyễn Thị C đang điều khiển trên đường để cướp giật 01 điện thoại di động Iphone X màu đen ở túi quần bên trái chị C trị giá 10.000.000 đồng rồi bỏ chạy. Như vậy, hành vi của Hồ Đức B và Đào Văn D đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo B là người đề xướng bàn bạc với bị cáo D và trực tiếp điều khiển xe mô tô chở D đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản và trực tiếp tiêu thụ tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo D. Bị cáo D là người sử dụng xe mô tô gắn biển kiểm soát giả và trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật

điện thoại của chị C và cùng đi tiêu thụ tài sản. Cần xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục thành công dân tốt cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự; khi bị bắt giữ cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen giá trị 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị C mà các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Nay bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo.

Về số tiền 3.000.000 đồng anh Nguyễn Chí T mua điện thoại của các bị cáo, nay anh T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên, được chấp nhận. Buộc các bị cáo B, D phải liên đới nộp lại số tiền 3.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước (cụ thể: B 1.450.000 đồng, D 1.550.000 đồng).

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, không có tài sản riêng; tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 mũ bảo hiểm có sọc màu xanh trắng, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo khoác màu nâu đen và 01 biển kiểm soát 16H4-9400 là biển giả do các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Trong vụ án này, anh Nguyễn Chí T mua điện thoại của các bị cáo, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Anh Trịnh Văn T1 có được bị cáo D nói cho biết ngày 19/02/2020 đã cùng B cướp giật được điện thoại của chị Nguyễn Thị C ở khu vực xã H, huyện K, có nhặt được 01 biển kiểm soát 16M7-2738 và cho D, nhưng không thuộc trường hợp phải tố giác tội phạm được quy định tại Điều 390 của Bộ luật Hình sự. Nên Cơ quan điều tra không xử lý T, T1 là có căn cứ. Đối với người bán ma túy cho B, D về cùng sử dụng, Cơ quan điều tra Công an huyện K chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện A điều tra xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Hồ Đức B (tên gọi khác: Đức) 05 (năm) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/02/2020.

+ Đào Văn D (tên gọi khác: Dẻ) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/02/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc các bị cáo Hồ Đức B, Đào Văn D phải liên đới nộp lại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước (cụ thể: B 1.450.000 đồng, D 1.550.000 đồng)

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 mũ bảo hiểm có sọc màu xanh trắng, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo khoác màu nâu đen và 01 biển kiểm soát 16H4-9400 giả (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong phần nộp tiền, thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bị cáo Hồ Đức B, Đào Văn D: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu T Huyền